TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/02/2018
Về việc: T/c hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1 – Bà Lê Thị Thảo

2 – Ông Đỗ Mạnh Châm

- *Thư ký phiên to*à: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Đức M**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1967

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt, đã bị tuyên bố mất tích tại Quyết định số 57/2017/VDS-ST, ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Đức M. và chị Vũ Thị L. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố T, vào ngày 28/4/2007. Sau khi kết hôn anh M. chị L. sống tại Thôn C, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Trong thời gian chung sống, cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc do chị L. có mâu thuẫn với con riêng của anh M. Tháng 9/2010 chị L. tự ý bỏ nhà đi đâu làm gì anh M. không biết, anh M. cũng đã đi tìm, đi hỏi thăm nhưng không ai biết chị L. ở đâu. Chị L. bỏ nhà

đi 07 năm không có tin tức gì nên anh M. đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang tuyên bố chị L. mất tích. Ngày 01/9/2017 Tòa án thành phố Tuyên Quang đã tuyên bố chị Vũ Thị L. mất tích từ ngày 01/10/2010 (Quyết định số 57/2017/VDS-ST, ngày 01/9/2017). Nay, anh M. xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L. mất tích đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị L.

- Về con chung, tài sản chung và vay nợ chung: Anh M. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

* *Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện:* Từ tháng 9/2010 chị L. bỏ nhà đi không nói gì với ai và từ thời gian đó đến nay chị L. không có tin tức gì và cũng không trở về địa phương lần nào.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Anh Trần Đức M. đăng ký kết hôn với chị Vũ Thị L. vào ngày 28/4/2007 tại UBND xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, tháng 9/2010 chị L. bỏ đi biệt tích từ đó đến nay không có tin tức gì. Ngày 01/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tuyên bố chị L. mất tích từ ngày 01/10/2010 (Quyết định số 57/2017/VDS-ST, ngày 01/9/2017). Quyết định đã có hiệu lực, anh M. có đơn xin ly hôn với chị L. là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 68 Bộ luật dân sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Đức M. và xử cho anh M. được ly hôn với chị Vũ Thị L. Về con chung, tài sản, vay nợ chung: Anh M. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Đức M. và chị Vũ Thị L. đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/4/2007 tại UBND xã L, thành phố T. Sau ngày cưới, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn C, xã L, thành phố T. Cuộc sống chung bình thường, không hạnh phúc. Nguyên nhân là do do chị L. có mâu thuẫn với con riêng của anh M. Tháng 9/2010 chị L. đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ đó đến nay không có tin tức gì, không ai biết chị L. đang làm gì, ở đâu.

Tại Quyết định số 57/2017/VDS-ST, ngày 01/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang thể hiện, chị Vũ Thị L. bỏ đi biệt tích khỏi địa phương từ ngày tháng 9/2010, gia đình đã tìm kiếm và chính quyền địa phương đã xác nhận không ai biết tin tức gì của chị L; anh M. đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Truyền hình Việt Nam, báo Công lý nhưng không thấy chị L. trở về. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tuyên bố chị Vũ Thị L. mất tích kể từ ngày 01/10/2010. Kể từ ngày Quyết định

tuyên bố mất tích có hiệu lực đến nay vẫn không có tin tức gì của chị L. Ngày 25/10/2017 anh Trần Đức M. có đơn khởi kiện xin được ly hôn với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, thời gian chị L. mất tích đã lâu, mục đích hôn nhân giữa anh M. với chị L. không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, xử cho anh Trần Đức M. được ly hôn với chị Vũ Thị L. là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 68 Bộ luật dân sự.

[2]. Về con chung, tài sản, công nợ chung: Anh Trần Đức M. xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Trần Đức M. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 271 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 - Bộ luật dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức M. được ly hôn với chị Vũ Thị L.

2. Về án phí: Anh Trần Đức M. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004908 ngày 25/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh M. đã nộp đủ án phí của vụ án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS tp. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến